

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

***Sinh viên : Đỗ Kim Phượng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Hùng Quyết***

HẢI PHÒNG - 2012

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Kim Phượng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Hùng Quyết

HẢI PHÒNG - 2012

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Kim Phượng

Mã SV: 120196

Lớp: QT1205K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. *Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).*
 - *Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*
 - *Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.*
 - *Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.*

2. *Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.*

Sử dụng số liệu năm 2011

3. *Địa điểm thực tập tốt nghiệp.*

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Vũ Hùng Quyết*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: *Đại Học Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu

Chương 1: Những vấn đề chung về Doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....2

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....2

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....2

1.1.2.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....3

1.2.Một số thuật ngữ ,khái niệm liên quan đến Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....3

1.2.1.Doanh thu và các loại Doanh thu.....3

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí.....4

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....5

1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.....6

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....7

1.4.1.Kế toán Doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....7

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.....7

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....10

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.....12

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... 12

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.....17

1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... 18

1.4.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính ,chi phí hoạt động tài chính.....20

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.3.1. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính.....	20
1.4.3.2. Kế toán Chi phí hoạt động tài chính.....	20
1.4.4. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	22
1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác.....	22
1.4.4.2. Kế toán Chi phí khác.....	23
1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	28
Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần HAPACO HẢI ÂU.....	30
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Hapao Hải Âu.....	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	30
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán.....	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hapaco hải Âu.....	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.....	37
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	51
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	62
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	74
2.2.5. Kế toán thu nhập khác ,chi phí khác.....	85
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	94

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.....	100
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	100
3.1.1. Ưu điểm.....	100
3.1.2. Nhược điểm.....	104
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.....	105
Kết luận	

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất, tức là tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu chi phí. Lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, và các yếu tố liên quan trực tiếp tới việc tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp chính là các khoản doanh thu và chi phí.

Trong quá trình hạch toán kế toán, việc phản ánh kết quả tiêu thụ và ghi nhận doanh thu, chi phí của doanh nghiệp đầy đủ kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, giúp chủ doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó cùng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Thầy giáo- Thạc sỹ Vũ Hùng Quyết em đã chọn nghiên cứu đề tài :” Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hapaco Hải Âu “ làm đề tài khóa luận. Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung bài gồm ba phần :

Chương 1: Những vấn đề chung về Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.

Với mong muốn được củng cố hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét chỉ bảo. đóng góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí) và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động tài chính mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu

thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Doanh thu và các loại doanh thu

➤ **Doanh thu là** : tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu .

➤ **Các loại DT:**

+ **Doanh thu bán hàng và CCDV**: là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp lao vụ dịch vụ cho khách hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ***: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm, và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ

+ ***Các khoản giảm trừ doanh thu***:

- ***Chiết khấu thương mại***: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn
- ***Giảm giá hàng bán***: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- ***Hàng bán bị trả lại***: là trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán
- ***Thuế GTGT theo PP trực tiếp***: Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Trong đó thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp là khoản thuế tính trên một phần giá trị tăng thêm của hàng hóa theo phương pháp trực tiếp.
- ***Thuế tiêu thụ đặc biệt***: là thuế tiêu dùng đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục quy định chịu thuế của nhà nước.
- ***Thuế xuất khẩu***: là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu sang quốc gia khác

+ ***Doanh thu hoạt động tài chính***: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính. Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền lãi bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

+ ***Thu nhập khác***: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.2.2. Chi phí và các loại chi phí

- ***Chi phí***: Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

- Chi phí sản xuất kinh doanh: bao gồm

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

- Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

- **Bán hàng** : Là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. Để bán hàng hóa thì doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

- **Phương thức bán hàng:**

Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Bán thông qua đại lý: định kỳ doanh nghiệp sẽ gửi hàng cho khách hàng của mình theo những thỏa thuận trong hợp đồng giữa 2 bên. Khi hàng hóa sản phẩm xuất kho thì vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới được coi là đã tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

Bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

Bán đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra . Khi nhận hàng của khách hàng kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào

$DT_{Sp} = SL_{SP} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm}$
đem trao đổi đem trao đổi thực hiện việc trao đổi

1.4. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

a. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua .
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng
- + Xác định được chi phí liên quan tới giao dịch bán hàng

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ .

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành . Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Chứng từ, tài khoản sử dụng

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:**

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ:

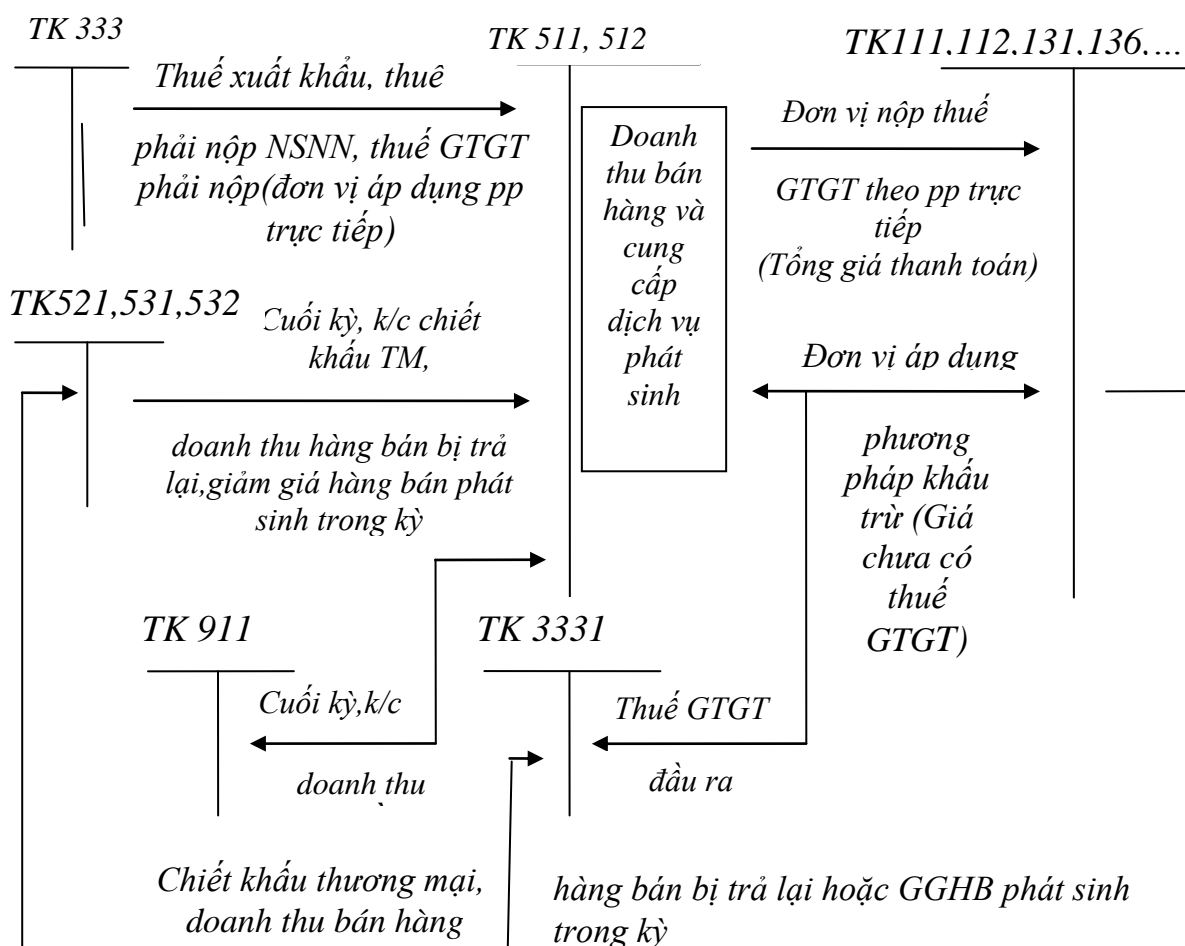
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 ‘Xác định kết quả kinh doanh’.

➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá
 - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

d. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

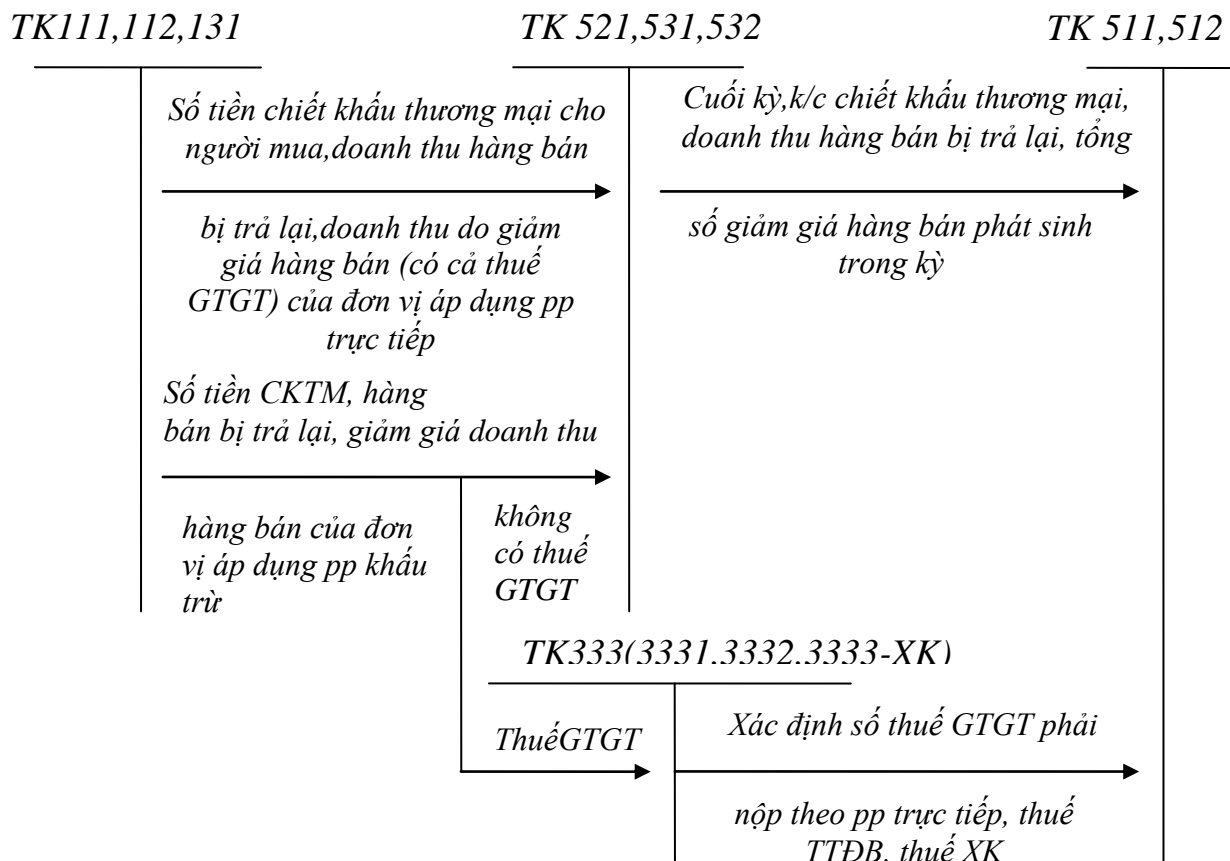
➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

* Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333-XK)



Sơ đồ 1.2 - Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.2. Kế toán các khoản chi phí trong hđsxkd

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

- *Giá vốn hàng bán* là: giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Các phương pháp tính giá vốn hàng bán* :

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân ra quyền ta có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân của} \\ \text{hàng hoá xuất kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hoá nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$
$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{hàng xuất trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi} \\ \text{lần nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập} \\ \text{Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập} \end{array}}{\text{Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất

trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

- Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán**

✓ Kế toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, số kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

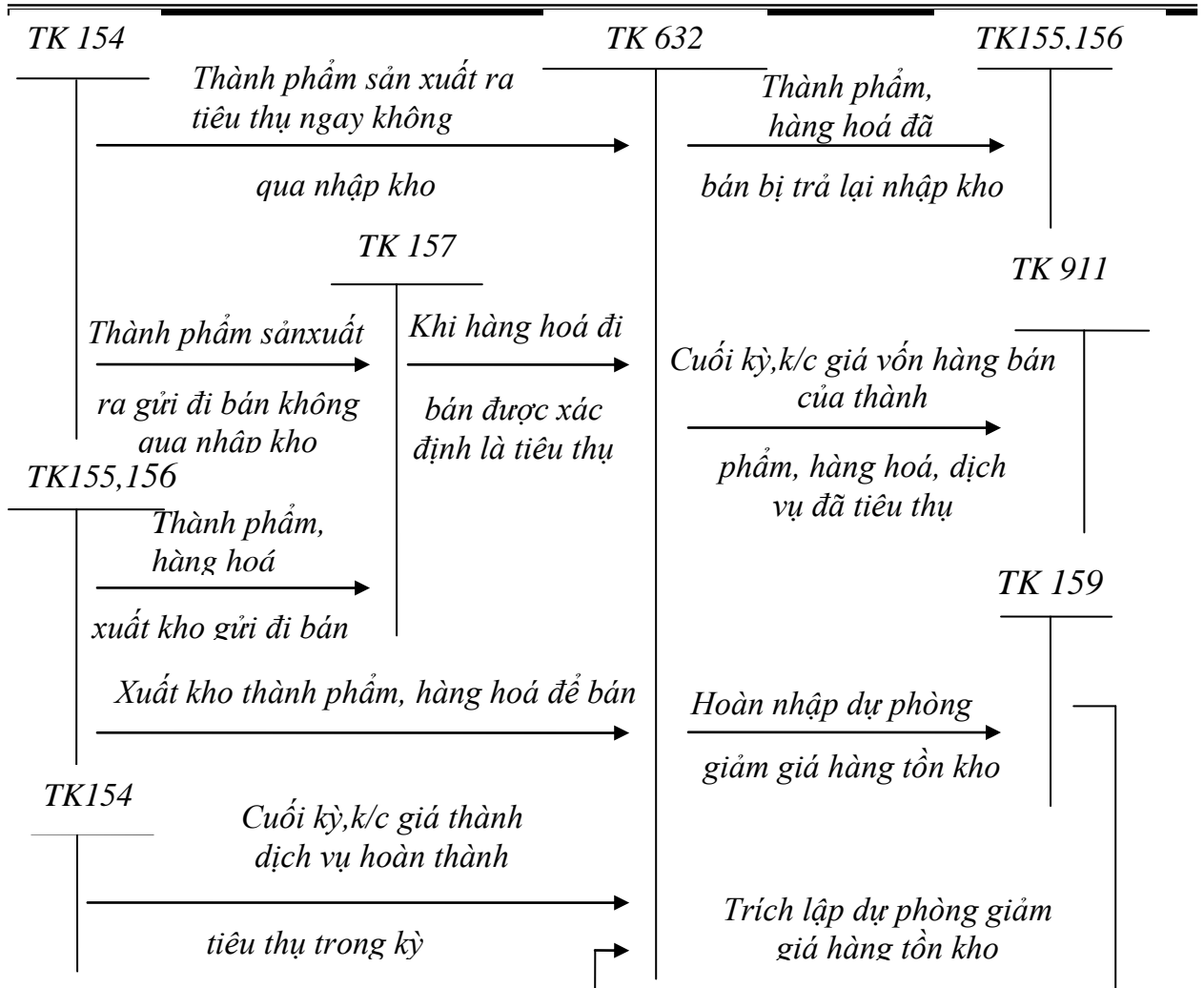
- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho

- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua tài khoản 621, 622, 627.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK154 để xác định giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



✓ **Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập - xuất - tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng

Xác định trị giá vốn xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ

$$\begin{matrix} \text{Số lượng} & \text{Số lượng hàng} & \text{Số lượng hàng} & \text{Số lượng hàng} \\ \text{hàng xuất} & = \text{tồn đầu kỳ} & + \text{nhập đầu kỳ} & - \text{tồn cuối kỳ} \\ \text{kho} & & & \end{matrix}$$

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá hàng xuất kho

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế của hàng hóa tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn của hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ
---	---	--	---	---	---	---	---	--	---	--

1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- TK641 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên

- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

1.4.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

- ❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết

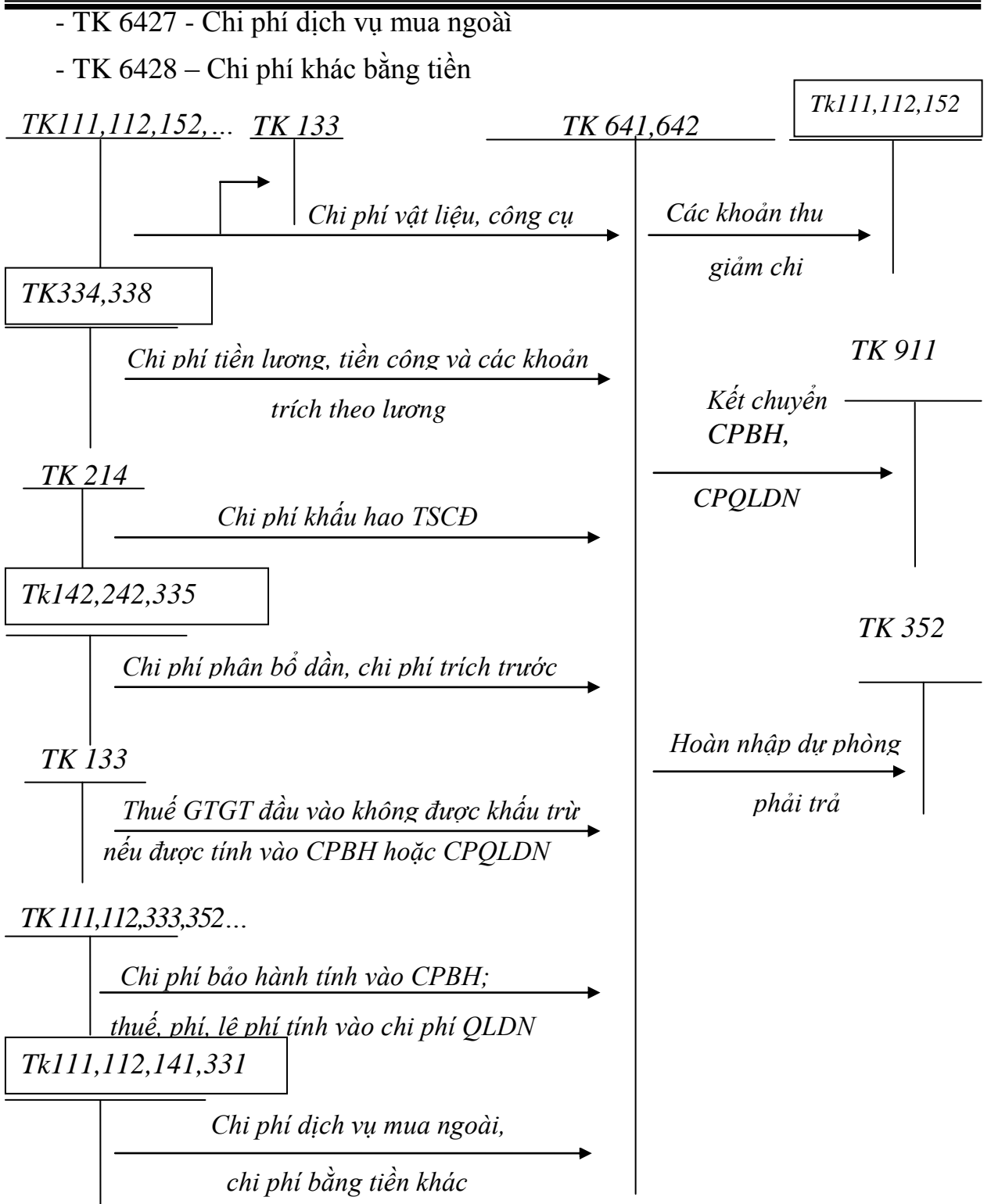
quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.5 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí chi phí hoạt động tài chính

1.4.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 515 – Doanh thu tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.4.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng.**

Phiếu chi

- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

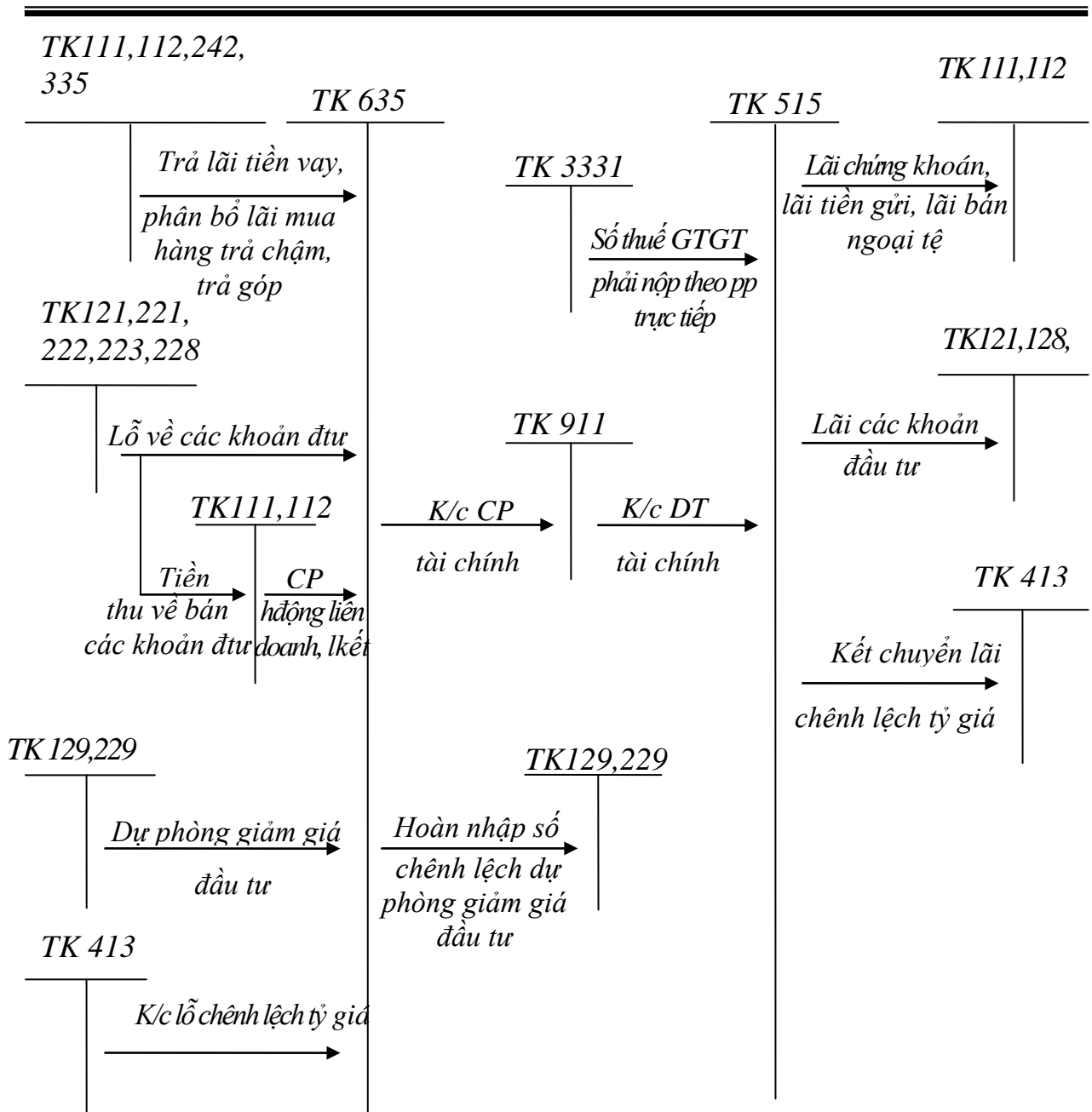
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6 - kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.4.4. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.4.4.1. Kế toán thu nhập khác

Nội dung thu nhập khác bao gồm:

- Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Số tiền doanh nghiệp được phạt do đối tác vi phạm hợp đồng.
- Thu từ các khoản nợ không có người đòi.
- Thu từ nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được.
- Thu từ nhận tài trợ viện trợ, biếu tặng.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.4.4.2. Kế toán chi phí khác

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản.

- Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng.

- Số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Kiểm kê phát hiện thiếu tài sản, xử lý ghi vào chi phí khác.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

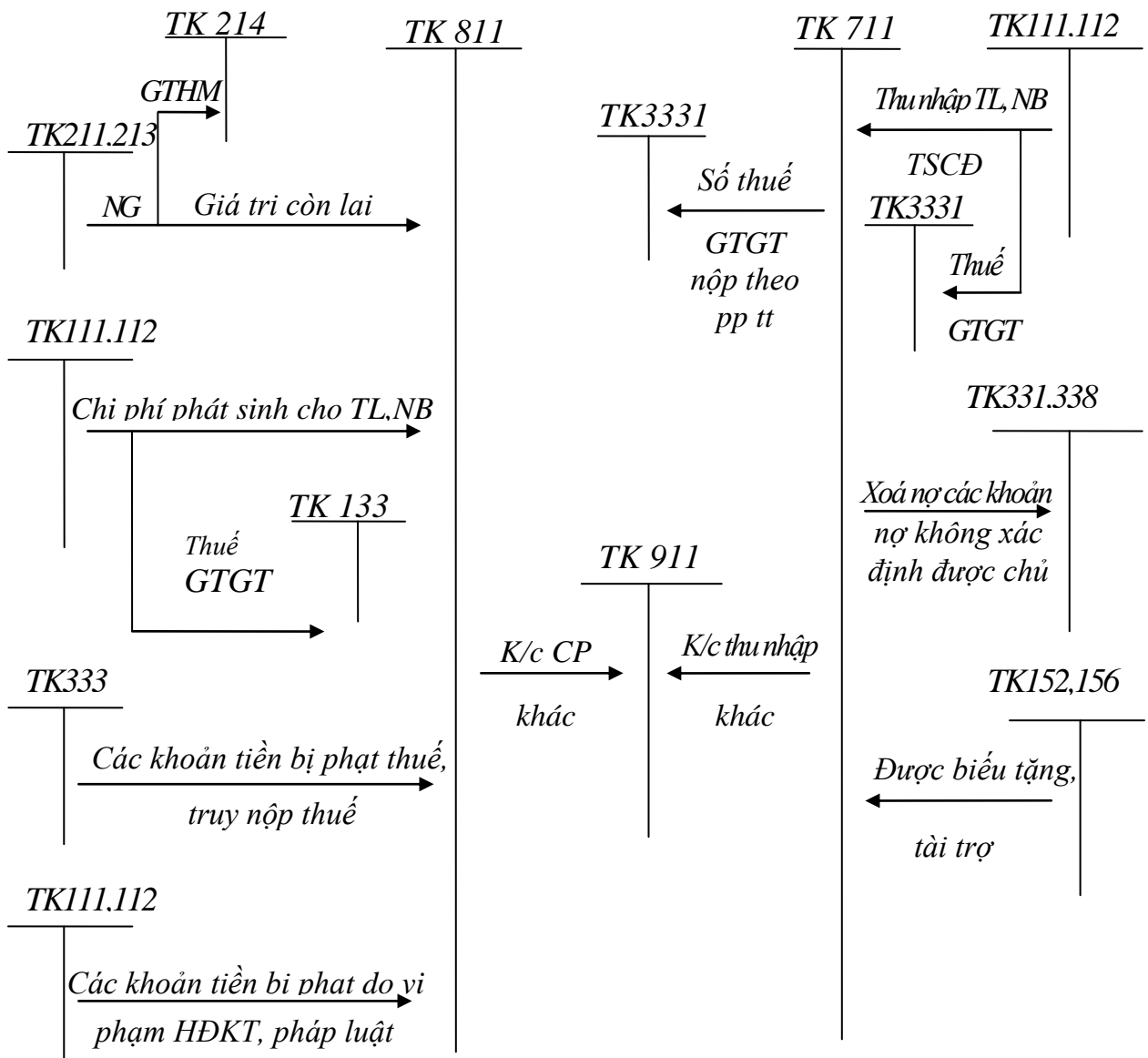
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.7 hạch toán kế toán thu nhập khác, chi phí khác



1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & & & \text{Giá} & & & & \text{CPBH,} \\ \text{từ hđ} & = & \text{DTT về bán} & - & \text{vốn} & + & \text{Doanh} & - & \text{Chi} & - & \text{CPQLDN tính} \\ \text{sxd} & & \text{hàng và cung} & - & \text{hàng} & + & \text{thu} & - & \text{phí} & - & \text{cho hàng tiêu} \\ & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & \text{HĐTC} & & \text{HĐTC} & & \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: DTT = tổng doanh thu bán hàng - các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

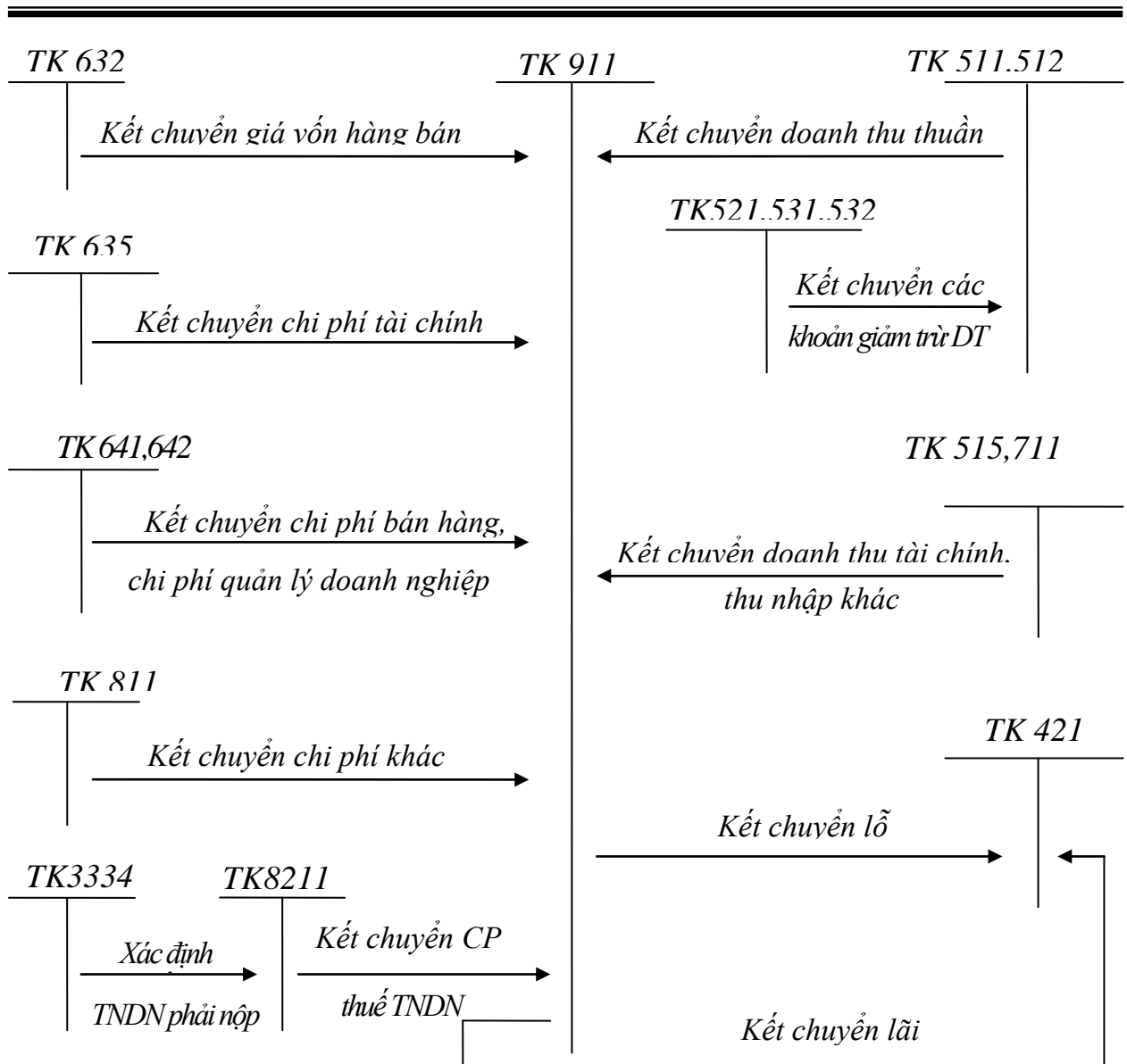
➤ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.
 - Bên Có:
 - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
 - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
 - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
 - Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
 - Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
 - Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
 - TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
 - TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.8 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

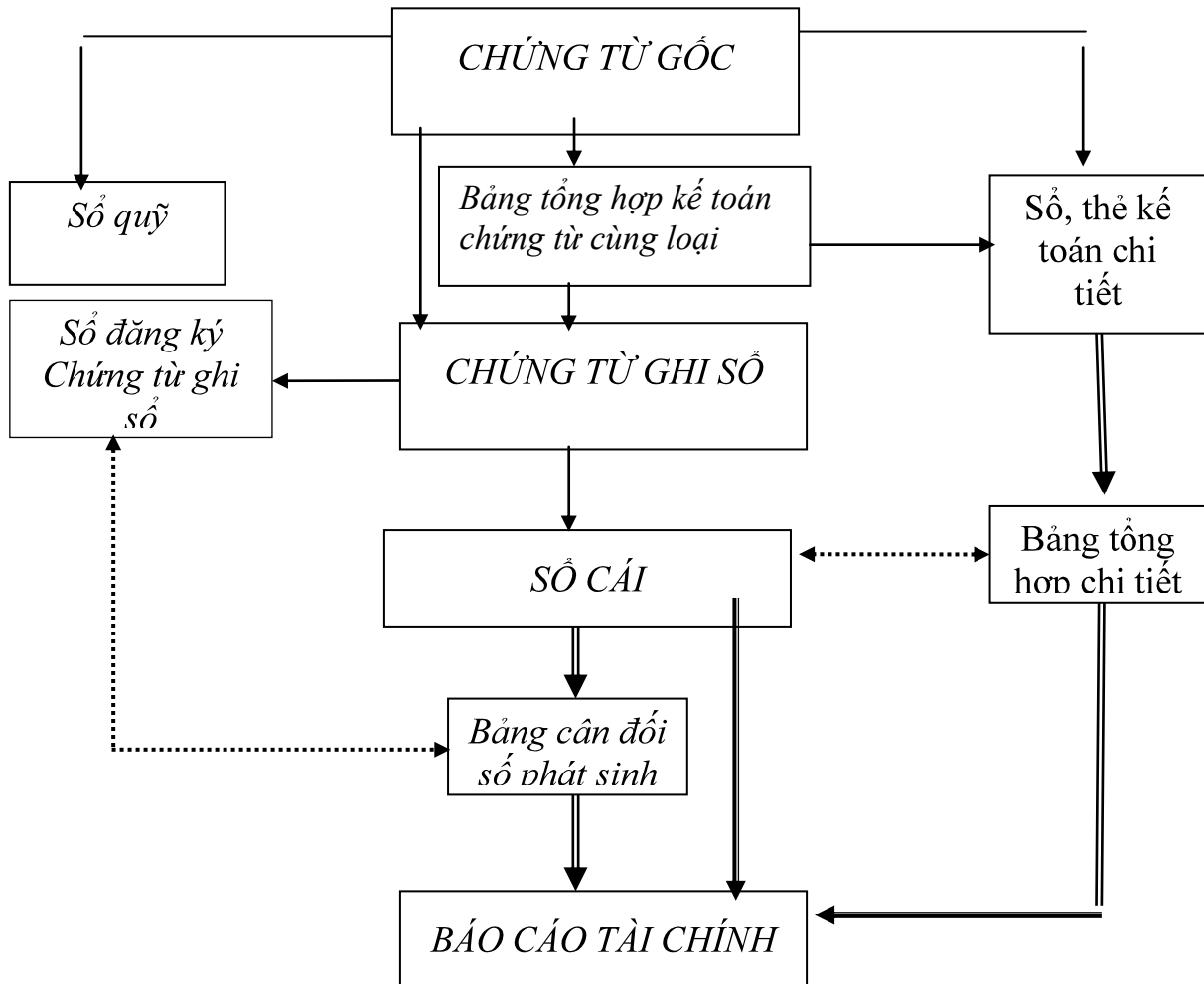
Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức nhật ký chung: Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái: Nhật ký sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hình thức Nhật ký chứng từ: Nhật ký chứng từ, bảng kê, Sổ cái, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết
- Hình thức Chứng từ ghi sổ : Chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ và thẻ kế toán chi tiết
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối kỳ \Longrightarrow

Kiểm tra , đối chiếu : \longleftrightarrow

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
HAPACO HẢI ÂU**

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty cổ phần Hapaco là tiền thân của xí nghiệp giấy bìa Đông Tiến được thành lập năm 1960 . Lúc đầu chỉ là một xí nghiệp Sx thủ công với số lao động 120 người.

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu thành lập từ tháng 5 năm 2002 tách từ 2 xí nghiệp của tập đoàn Hapaco đi vào hoạt động tháng 7/2002. Là thành viên của Công ty cổ phần giấy Hải Phòng nay là tập đoàn Hapaco.Vốn thuộc sở hữu của Hapaco chiếm 55,6% ,còn lại 44,4% là vốn của các thể nhân trong và ngoài công ty .

Tên tiếng việt : Công ty cổ phần HAPACO Hải âu

Tên tiếng anh : Hai Au paper joint stock company

Trụ sở chính : Số 441A Đại lộ Tôn Đức Thắng – Xã An Đồng Huyện An hải –
Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200 462 650

Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 0203000213 ngày 07/5/2002 của
UBNDTPHP – Sở kế hoạch Đầu tư hải phòng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

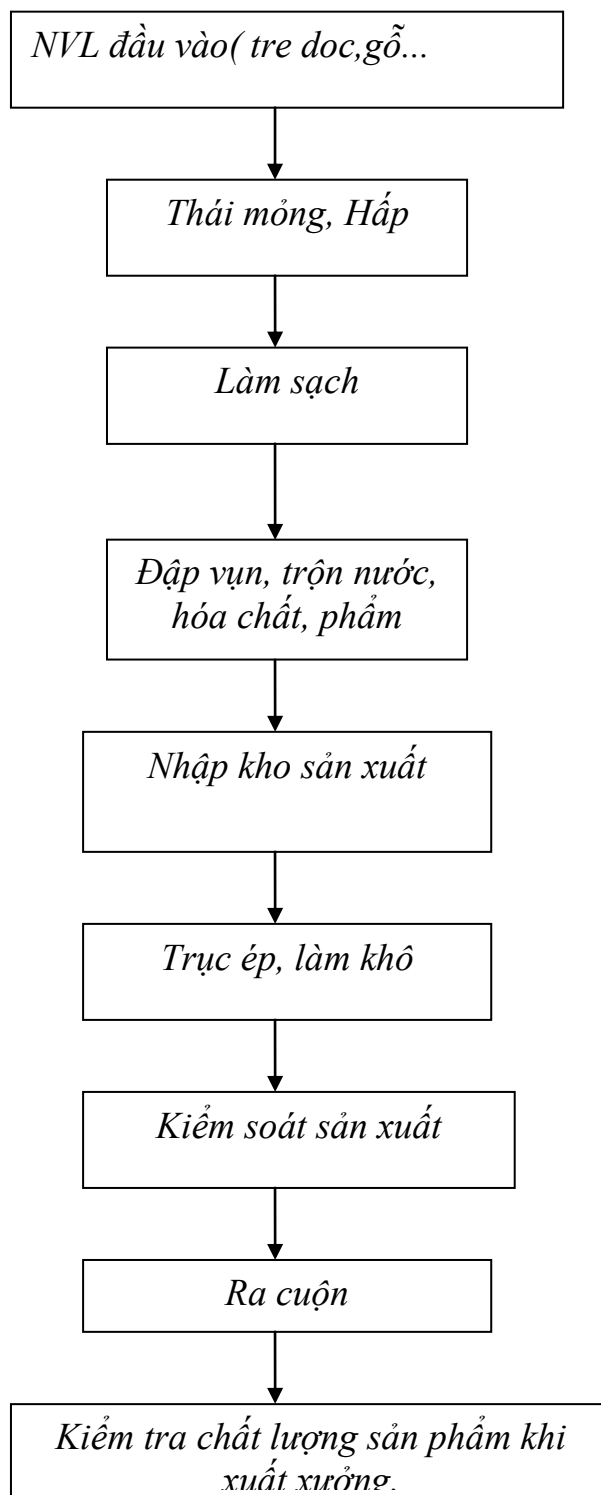
Mặt hàng chính của công ty : Sản xuất kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, sản xuất và gia công các sản phẩm nhựa gỗ,bao bì, cửa nhôm kính.

- Nguyên liệu chính gồm: tre dóc, giấy đã qua sử dụng, giấy vụn ONP, các loại bột như bột NBKP90.....

- Nguyên liệu phụ gồm: Bột CaCO₃, chất chống thấm, hóa chất NaOH, H₂SO₄, tinh bột cation.....

Giấy được sản xuất trên dây truyền công nghệ cao, nhiệt độ cao trên 1000độ, được tẩy trắng bằng Clo diệt trùng. Không dùng các hóa chất độc hại gây ô nhiễm .

Quy trình sản xuất giấy:

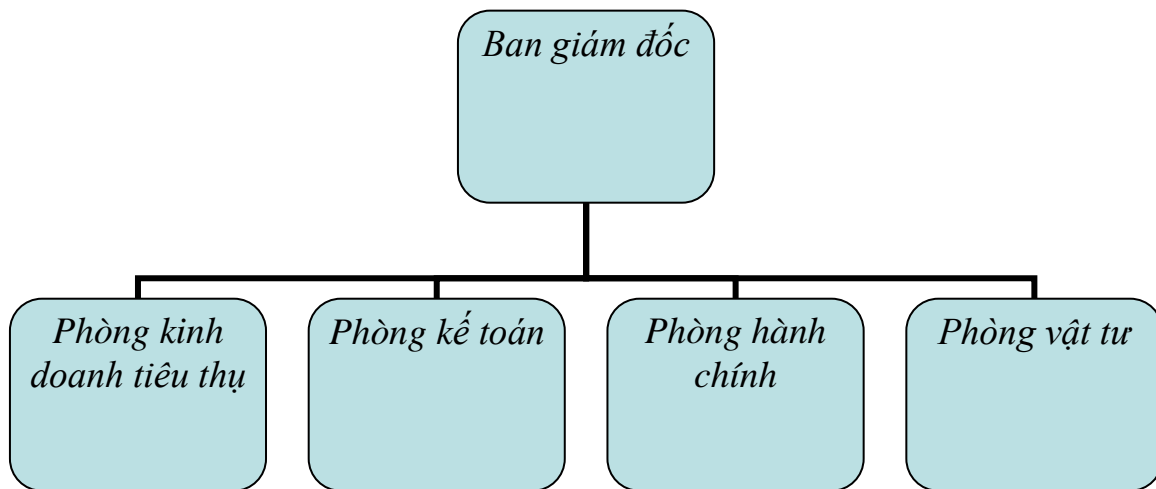


2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo luật doanh nghiệp, với bộ máy tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoạt động khá hiệu quả.

Bộ máy quản lý của công ty được thiết kế theo mô hình này phát huy được tác dụng rõ ràng mối quan hệ quyền hạn giữa các bộ phận quản trị và cơ chế áp dụng trong môi trường với nhiều yếu tố bất ổn.

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức của công ty



Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

+ Giám đốc: Là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty. Do có quyền quyết định cao nhất lên Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Phó Giám đốc: là người trực tiếp điều hành mọi động sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát, kiểm tra tình hình sản xuất của công ty.

+ Phòng kinh doanh tiêu thụ : Giữ vai trò là giao dịch viên. Chuyên đi xây dựng hình ảnh cho công ty và tạo đơn đặt hàng cho công ty, với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, nhiệt huyết với công việc.

+ Phòng hành chính: Nhiệm vụ của phòng hành chính là xây dựng hoàn thiện các quy chế, quy trình quản lý tài chính, các quy định chính sách của công ty.

+ Phòng kế toán: Phòng kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ những vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của

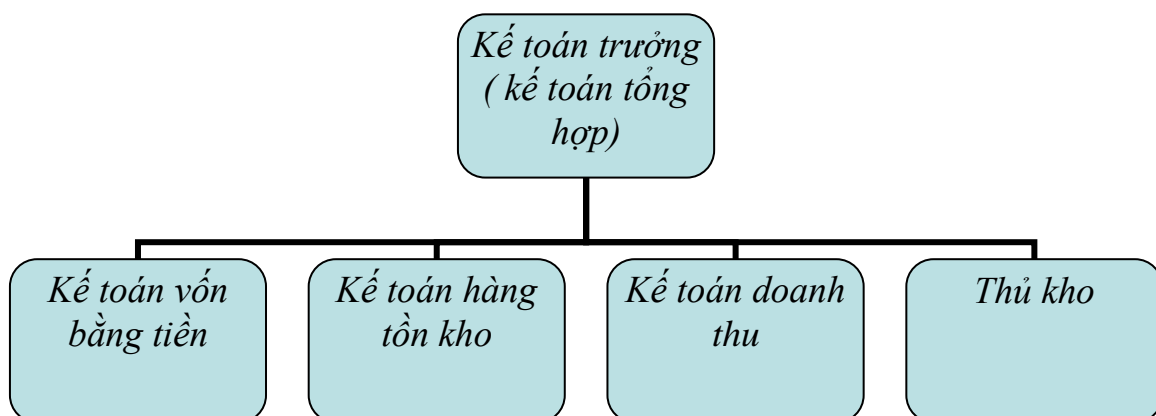
công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán TẬP TRUNG, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng. Ngoài ra phòng kế toán còn phải phân tích hoạt động kinh tế, nhằm tham mưu cho giám đốc nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất những biện pháp quản lý kịp thời.

+Phòng vật tư : là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và tổng giám đốc về mọi hoạt động của công ty.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

➤ Tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty CP HAPACO Hải Âu



Chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

+ Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các kế toán viên lập cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kế toán vốn bằng tiền : Quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền, theo dõi thanh toán thu chi, các thủ tục thanh toán trong công ty.

+ Kế toán hàng tồn kho : Theo dõi và tập hợp hàng hóa phát sinh trong quá trình bán hàng và mua hàng.

+ Kế toán doanh thu : Là kế toán theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu, theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho.

+ Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

➤ **Chế độ kế toán áp dụng:**

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt nam.

3. Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng bộ tài chính .

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng : **Chứng từ ghi sổ**

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên .

6. Phương pháp khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng.

7. Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

➤ Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán: công ty sử dụng hệ thống tài khoản và chứng từ kế toán theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC.

➤ Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán:

+ Công ty sử dụng hình thức kế toán **Chứng từ ghi sổ**

+ Hệ thống sổ sách gồm:

*Chứng từ ghi sổ, bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

*Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

*Sổ cái

*Các sổ , thẻ, kế toán chi tiết

+ Trình tự ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ.

-Quá trình ghi sổ kế toán tách rời hai quá trình:

*ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

*ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

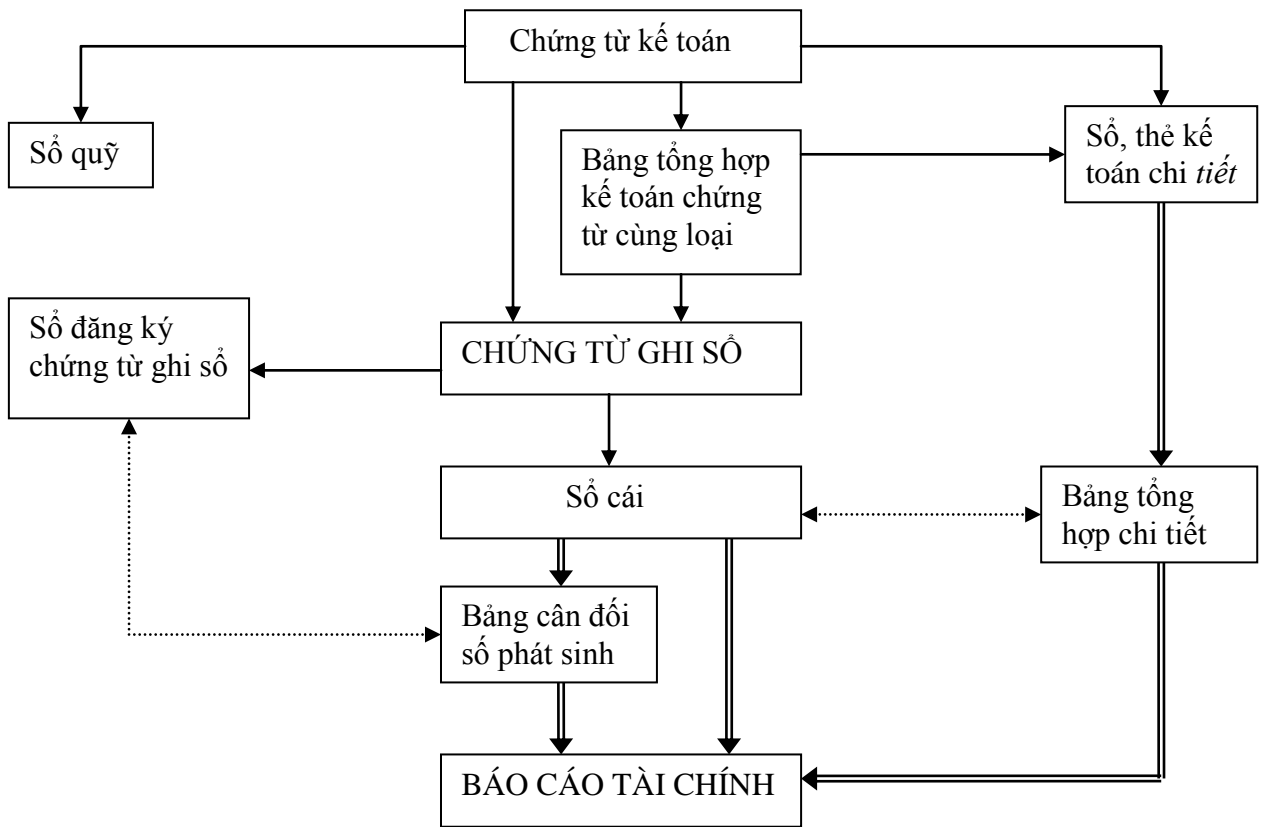
-Hàng ngày, hoặc định kỳ kế toán căn cứ chứng từ kế toán đã kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ, hoặc căn cứ các chứng từ kế toán đã được kiểm tra phân loại để lập bảng Tổng hợp chứng từ kế toán theo từng loại nghiệp vụ, trên cơ sở số liệu của bảng tổng hợp chứng từ kế toán để lập chứng từ ghi sổ.

Chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong chuyển cho kế toán trưởng duyệt, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp đăng ký vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ để ghi sổ và ngày tháng vào chứng từ ghi sổ . Chứng từ ghi sổ sau khi đã được ghi vào sổ Đăng ký mới được sử dụng để ghi vào sổ cái và các sổ thẻ kế toán chi tiết

- Sau khi phản ánh tất cả chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng vào sổ cái , kế toán tiến hành cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính số dư cuối tháng của từng tài khoản. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu trên sổ cái được sử dụng lập Bảng cân đối tài khoản

- Đối với các tài khoản phải mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì chứng từ kế toán, bảng tổng hợp chứng từ kế toán kèm theo chứng từ ghi sổ là căn cứ vào sổ ,thẻ chi tiết theo yêu cầu của từng tài khoản .Cuối tháng tiến hành cộng các sổ , thẻ kế toán chi tiết lấy kết quả lập bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản tổng hợp để đối chiếu với số liệu trên sổ cái của tài khoản đó. Các bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản sau khi đối chiếu được dùng làm căn cứ lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

➤ **Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

Bảng cân đối kế toán

Mẫu số: B01-DNN

Báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu số: B02-DNN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mẫu số: B03-DNN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu số B09-DNN

Bảng cân đối tài khoản

Mẫu số: F01-DNN

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo bắt buộc gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

2.2. Thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và XĐKQKD tại công ty

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Đặc điểm sản phẩm :

- Các sản phẩm giấy chính mà công ty sản xuất gồm có: giấy vệ sinh, giấy tissue lụa, giấy khăn hộp rút, giấy khăn bàn ăn, Túi khăn giấy thơm.

➤ Các phương thức bán hàng của công ty

Hiện nay công ty bán hàng theo phương pháp trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ cho khách hàng chủ yếu là những cá nhân tổ chức có nhu cầu nhằm đáp ứng yêu cầu trực tiếp của họ

- Bán buôn là hình thức bán chủ yếu của công ty . Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với công ty khác, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết HĐGTGT cho khách hàng.

- Hình thức bán lẻ cũng được thực hiện tại công ty

Ngoài ra công ty còn bán hàng theo phương thức gửi đại lý và phương thức bán hàng trả chậm, trả góp . Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Tại công ty áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp (thanh toán bằng Tiền mặt và chuyển khoản) và phương thức thanh toán trả chậm (khách hàng mua chịu)

➤ **Kế toán Doanh thu bán hàng**

Chứng từ sử dụng:

+Hóa đơn GTGT

+Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu.

+ Phiếu xuất kho

+ Các sổ chi tiết được sử dụng, sổ chi tiết phải thu của khách hàng

+Các chứng từ có liên quan khác...

Tài khoản sử dụng:

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

51121: Doanh thu bán giấy tissue lụa

51122: Doanh thu bán khăn hộp rút

51123: Doanh thu bán giấy khăn bàn ăn

51124: Doanh thu bán túi khăn giấy thơm

51125: Doanh thu bán giấy vệ sinh

Và các tài khoản khác có liên quan như: TK 33311- Thuế GTGT đầu ra, TK 111- Tiền mặt, TK112- Tiền gửi ngân hàng, TK131- Phải thu khách hàng.....

➤ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản sử dụng : TK 531- Hàng bán bị trả lại,

TK 532- Giảm giá hàng bán

Chứng từ sử dụng:

-Hoá đơn GTGT

- Phiếu chi

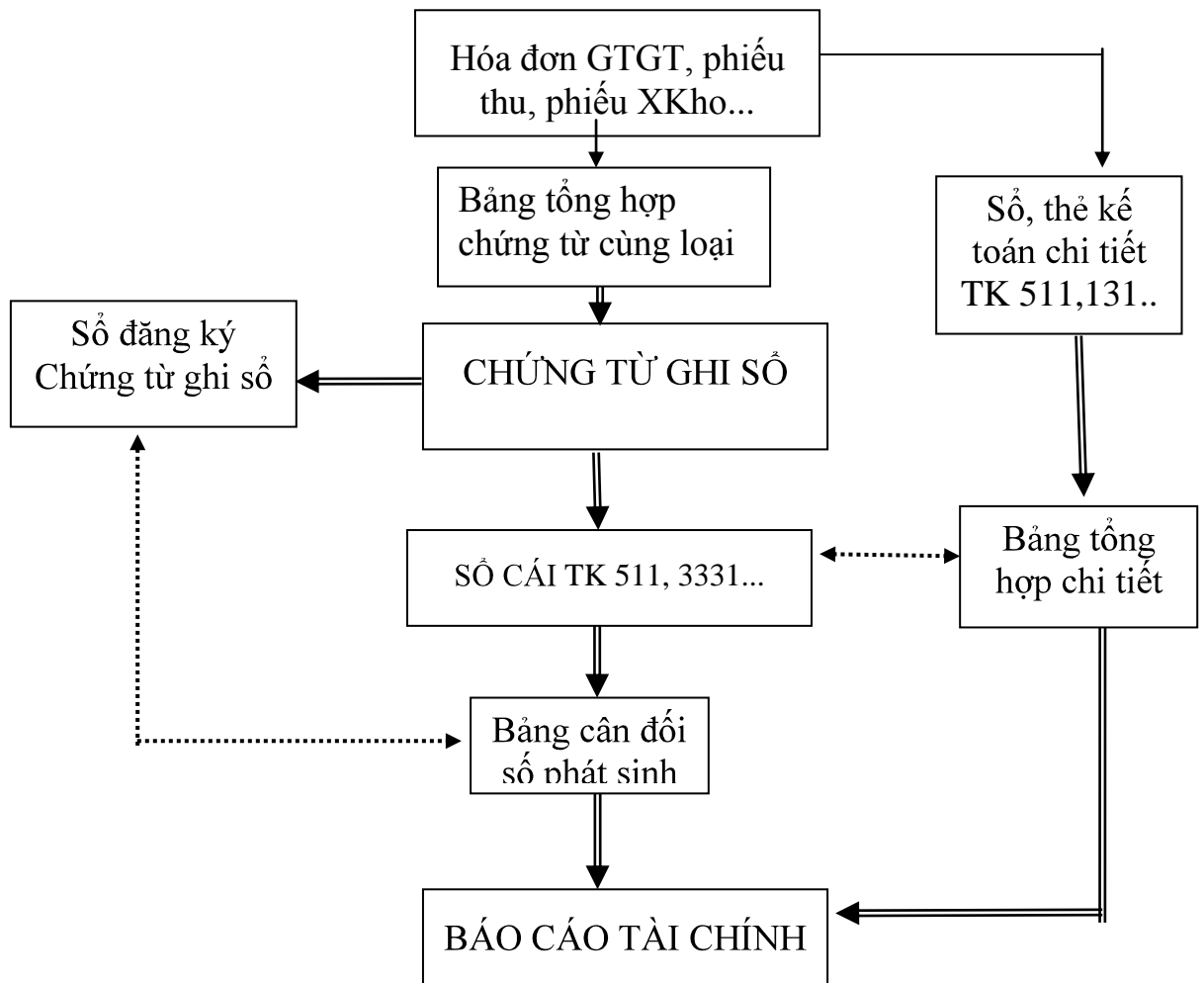
- Phiếu nhập kho

- Giấy báo nợ của Ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan

* Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

Quy trình hạch toán : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ 2.4



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng , cuối kỳ
- ><----- Đôi chiếu, kiểm tra

- Từ các chứng từ gốc hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 511, 521..., Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511, 521, 131...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

Ví dụ 1: Ngày 19/12/2011, xuất kho thành phẩm bán theo phương thức trực tiếp cho công ty cổ phần An Phát: 500 bịch giấy vệ sinh Hapaco với giá 23.150 đ/bịch 10 cuộn, và 1000 hộp giấy khăn rút với giá 13.286 đ/hộp, thuế VAT 10%,.

-Dựa vào HĐGTGT số 0089425 (biểu 2.1),kế toán tiến hành vào sổ chi tiết thanh toán với người mua (biểu 2.2) đồng thời vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại(biểu 2.4), và sổ chi tiết TK 511(Biểu 2.8)

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ghi vào chứng từ ghi sổ (biểu 2.5). Dựa vào các CTGS phát sinh kế toán vào sổ đăng ký CTGS (biểu 2.6) và sổ cái TK 511 (biểu2.7). Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua làm căn cứ vào BTH thanh toán với người mua (biểu 2.3). Căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản TK 511 kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết tài khoản TK 511(Biểu 2.9)

-Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu

(Biểu 2.2)

Địa chỉ: Số 441A- Tôn Đức Thắng – An Dương – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: **Công ty Cổ Phần An Phát**

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				55.144.280	
					
19/11	HD 0089425	19/11	Doanh thu bán hàng cho công ty	511	24.861.000		213.673.050	
19/11	HD 0089425	19/11	VAT đầu ra	3331	2.411.517		216.084.567	
.....
21/11	PT 1066	21/11	Cty thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản	1121		146.899.000	68.074.050	
						
			Cộng số phát sinh		653.112.000	531.322.000		
			Số dư cuối kỳ				176.934.280	

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2011

Kế toán Trưởng

(ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3

Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	SDDK	SPS trong kỳ	SDCK	Có	Nợ	Có
		Nợ	Có	Nợ			
1	Cty Cổ Phần An Phát	55.144.280		653.112.000	531.322.000	176.934.280	
2	Cty TNHH Đại lợi	23.173.600		727.599.400	630.122.180	120.650.820	
3	Cửa hàng Vĩnh hà	4.721.436		73.265.361	40.790.457	37.196.340	
4	Công ty TNHH Phú quý		130.500.000	853.492.205	512.429.249	210.562.956	

	Tổng	938.297.468	213.000.000	5.924.679.119	4.653.036.596	<u>2.054.939.991</u>	<u>58.000.000</u>

Ngày... tháng... năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

Biểu 2.4

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 131

Số chứng từ 1261

Tháng 12 năm 2011

.Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản có		
				511	3331	3387
...	
19/12	HD0089425	Bán hàng chưa thu tiền cho cty Cp An Phát	27.347.100	24.861.000	2.486.100	
20/12	HD0089476	Bán hàng chưa thu tiền cửa hàng Phương An	4.532.000	4.120.000	412.000	
....
		Cộng	1.974.893.040	1.327.890.070	132.789.007

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5

Đơn vị: Công ty CP HAPACO Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1261

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Bán hàng chưa thu tiền	131	511	1.327.890.070	
- Thuế GTGT Đầu ra	131	3331	132.789.007	
.....		
Cộng	x	x	1.974.893.040	X

Kèm theo 22 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6

Đơn vị: Công ty CP HAPACO Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.7

Đơn vị: Công ty CP HAPACO Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

SHTK: : 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1248	31/12	Bán hàng thu bằng tiền mặt tháng 12/2011	111		960.378.970
31/12	1261	31/12	Bán hàng chưa thu tiền tháng 12/2011	131		1.327.890.070
31/12	1243	31/12	Bán hàng thu bằng tiền gửi NH tháng 12/2011	112		1.536.298.673
				
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu quý 4/2011	911	9.733.572.276	
			Cộng phát sinh		9.733.572.276	9.733.572.276

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8

Đơn vị: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 51125 – Doanh thu bán giấy vệ sinh

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...	
19/12	HD0089425	19/12	Bán hàng cho công ty cp An phát	131	500	23.150	11.575.000	
20/12	HD0089430	20/12	Bán hàng cho công ty TNHH Đại lợi	131	1000	23.150	23.150.000	
			
22/12	HD0089435	22/12	Bán hàng cho cửa hàng Anna	111	100	23.150	2.315.000	
22/12	HD0089436	22/12	Bán hàng cho cửa hàng Vân Long	112	100	23.150	2.315.000	
.....	
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển doanh thu	911			2.013.564.988	
			Cộng phát sinh				2.013.564.988	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty Cổ phần HApaco Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 51122 – Doanh thu bán khăn giấy hộp rút
Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...
19/12	HD0089425	19/12	Bán hàng cho công ty cp An phát	131	1000	13.286		13.286.000
20/12	HD0089430	20/12	Bán hàng cho công ty Đại lợi	131	2000	13.286		26.572.000
		
23/12	HD0089438	23/12	Bán hàng cho cửa hàng An Khang	111	100	13.286		1.328.600
24/12	HD0089439	24/12	Bán hàng cho cửa hàng Thái Dương	112	100	13.286		1.328.600
.....
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển doanh thu	911			2.234.987.965	
			Cộng phát sinh				2.234.987.965	2.234.987.965

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51121	Doanh thu bán giấy tissue lụa	1.946.714.455	1.946.714.455	
2	51122	Doanh thu bán khăn giấy hộp rút	2.234.987.965	2.234.987.965	
3	51123	Doanh thu bán giấy khăn bàn ăn	1.823.459.087	1.823.459.087	
4	51124	Doanh thu bán túi khăn giấy thơm	1.714.845.781	1.714.845.781	
5	51125	Doanh thu bán giấy vệ sinh	2.013.564.988	2.013.564.988	
		Cộng	9.733.572.276	9.733.572.276	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán thực chất là giá trị vốn (giá thành thực tế) của sản phẩm hàng hóa xuất bán trong kỳ

Công ty áp dụng phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ để xác định trị giá thành phẩm xuất kho. Cuối kỳ kế toán xác định đơn giá bình quân gia quyền cho từng loại thành phẩm theo công thức

$$\text{Đơn giá BQGQ} = \frac{\text{Trị giá TP tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TP nhập trong kỳ}}{\text{Lượng TP tồn ĐK} + \text{lượng Tp nhập trong kỳ}}$$
$$\text{Trị giá hàng xuất trong kỳ} = \text{Đơn giá BQGQ} * \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}$$

Việc theo dõi thành phẩm xuất kho hàng thực hiện trên thẻ kho do thủ kho thực hiện căn cứ vào các chứng từ xuất hóa đơn GTGT(nếu xuất kho để bán), phiếu xuất kho(nếu xuất kho phục vụ sản xuất)

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- HĐ GTGT, phiếu thu, chi

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Để thuận tiện cho việc theo dõi sự biến động của giá vốn các loại hàng hóa, kế toán theo dõi và ghi chép các loại giá vốn trên các TK chi tiết như sau:

6321: Giá vốn giấy tissue lụa

6322: Giá vốn khăn giấy hộp rút

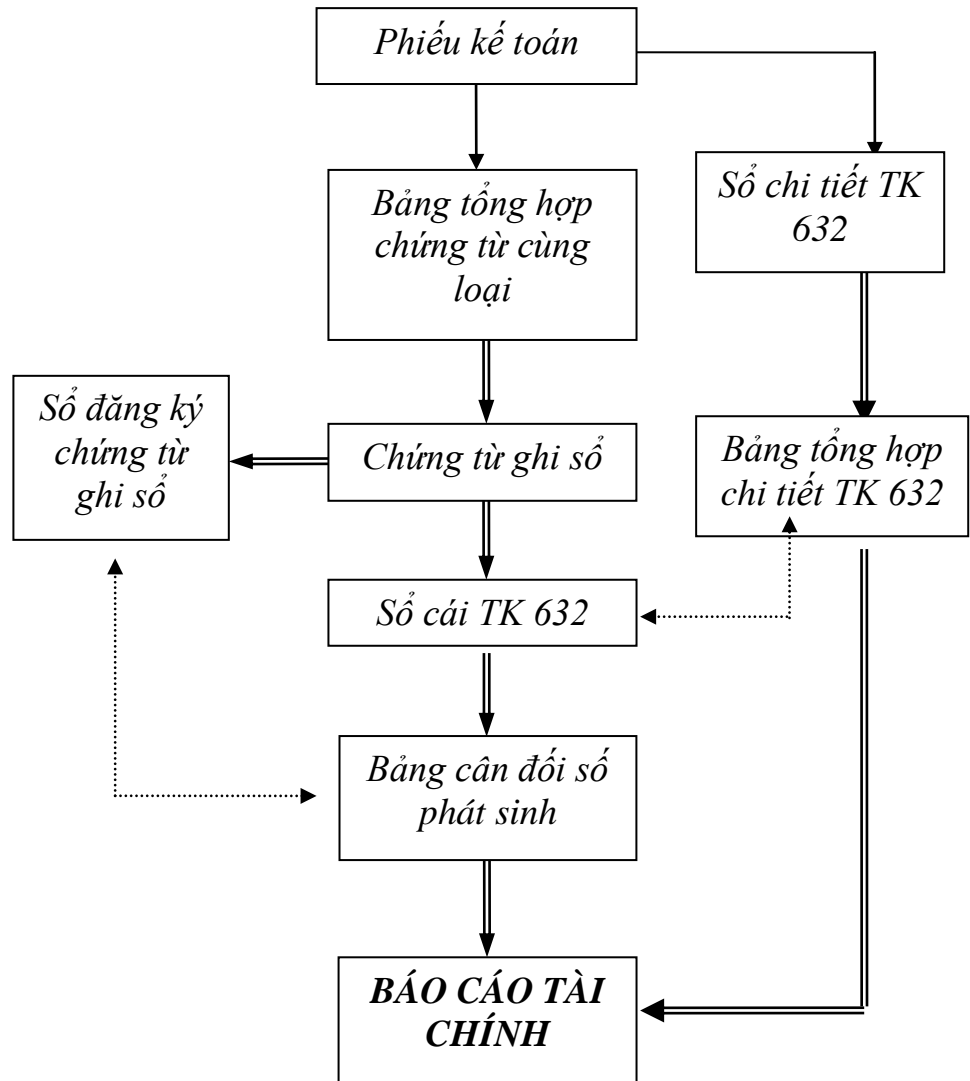
6323: Giá vốn giấy khăn bàn ăn

6324: Giá vốn túi khăn giấy thơm

6325: Giá vốn giấy vệ sinh

***Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Ghi chú

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, cuối kỳ
- > Đới chiếu, kiểm tra

- Từ các chứng từ gốc hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK 632, Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

Ví dụ 2

Lấy tiếp ví dụ phân doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công ty, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán của giấy vệ sinh

**** Biết trị giá nhập kho giấy vệ sinh trong tháng là 20.050.020đ, của khăn giấy hộp rút là 14.071.000đ.***

Đầu kỳ, trị giá tồn kho giấy vệ sinh là 10.708.700đ,, trị giá tồn kho khăn giấy hộp rút là 7.001.040đ.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 990 (Biểu 2.10) kế toán tiến hành vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu 2.11), sổ chi tiết TK632 (Biểu 2.12)

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.13) dựa vào CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 632(Biểu 2.14) Từ sổ chi tiết TK 632 vào bảng tổng hợp chi tiết TK 632 (Biểu 2.15)

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.

Biểu 2.10

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng An Dương, Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Số: 990

Nợ TK 632

Có TK155

Họ và tên người nhận: **Nguyễn Đức Hưng**

Lý do xuất kho: Xuất bán khách hàng công ty cổ phần An Phát

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm:

STT	Tên nhãn, quy cách phẩm chất sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	giấy vệ sinh	05	bịch	500	500	20.236	10.118.000
2	khăn giấy hộp rút	02	hộp	1000	1000	11.280	11.280.000
						
	Cộng						21.398.000

Cộng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

KT.trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 632

Số chứng từ 1262

Tháng 12 năm 2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi có TK 155
...
19/12	PX990	Giá vốn hàng bán cho công ty CP An Phát	21.398.000	21.398.000
19/12	PX991	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Đại Lợi	20.856.000	20.856.000
20/12	PX992	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH An Khang	10.220.000	10.220.000
20/12	PX993	Giá vốn hàng bán cho BA	19.321.900	19.321.900
20/12	PX994	Giá vốn bán cho cửa hàng Vân Long	1.004.008	1.004.008
....
		<i>Cộng</i>	2.345.048.438	2.345.048.438

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12

Đơn vị: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6322 - Giá vốn hàng bán khăn giấy hộp rút

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...	
19/12	PXK990	19/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty Cp An Phát	155	1000	11.280	11.280.000	
20/12	PXK991	20/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Đại Lợi	155	2000	11.280	22.560.000	
20/12	PXK993	20/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty BA	155	250	11.280	2.820.000	
...	
31/12	K/c	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn nước ngọt	911				1.715.819.280
			Công tổng				1.715.819.280	1.715.819.280

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6325 - Giá vốn hàng bán giấy vệ sinh

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...	
19/12	PXK990	19/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty CP An Phát	155	500	20.236	10.118.000	
20/12	PXK991	20/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Đại Lợi	155	1000	20.236	20.236.000	
20/12	PXK992	20/12/2011	Giá vốn hàng bán cho công ty An Khang	155	250	20.236	5.059.000	
...	
30/12	K/c	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn nước ngọt	911				1.759.235.290
			Công tổng				1.759.235.290	1.759.235.290

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13

Đơn vị: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương - Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1262

Năm 2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Giá vốn bán hàng	632	155	2.745.048.438	
Cộng	x	x	2.745.048.438	X

Kèm theo 25 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14

Đơn vị: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A, Tôn Đức Thắng, An Dương Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.25.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
.....
30/11	1193	30/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2011	155	2.618.987.714	
31/12	1262	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/2011	155	2.745.048.438	
31/12	1264	31/12	K/C giá vốn quý 4/2011	911		7.305.145.315
			Cộng phát sinh		7.305.145.315	7.305.145.315

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

Biểu 2.16

Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giá vốn bán tissue lụa	1.332.197.659	1.332.197.659	
2	6322	Giá vốn bán khăn hộp rút	1.715.819.280	1.715.819.280	
3	6323	Giá vốn bán giấy khăn bàn ăn	1.273.294.386	1.273.294.386	
4	6324	Giá vốn bán túi khăn giấy thơm	1.224.598.700	1.224.598.700	
5	6325	Giá vốn bán giấy vệ sinh	1.759.235.290	1.759.235.290	
		Cộng	7.305.145.315	7.305.145.315	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

*** Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí cho việc quản lý kinh doanh hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động chung của công ty. Nội dung chi phí doanh nghiệp tại công ty cổ phần Hapaco Hải Âu gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng thanh toán lương.....
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Từ các chứng từ gốc hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các CTGS, Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 642
- Cuối quý từ sổ cái các TK 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC cuối năm

Ví dụ 3

Ngày 19/12/2011, chi tiền mặt mua 2 hộp giấy in A4 dùng cho văn phòng, số tiền 350.000đ(VAT 10%)

- Căn cứ vào phiếu chi 1054(biểu 2.17), kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.18).
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chi tiết TK lập các CTGS liên quan (Biểu 2.19) từ đó vào sổ đăng ký CTGS (2.20) và sổ cái TK 642(biểu 2.21)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối quý, năm từ sơ cái lập bảng CĐPS và lập BCTC

Biểu 2.17

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Số: 1054

Nợ 6428

Nợ 133

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Hải Phong

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu

Lý do chi: mua giấy in A4

Số tiền 385.000đ

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ) : Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn

Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 1241

Tháng 12 năm 2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ				
				152	133	642	331
...
12/12	PC1024	Thanh toán tiền mua NVLchính	99.800.000	90.727.273	9.072.727			
13/12	PC1025	Thanh toán tiền mua VLphụ	68.766.000				68.766.000	
....			
19/12	PC1054	Mua giấy in A4 cho văn phòng	385.000		35.000	350.000		
...	
		Cộng	6.457.433.621	3.233.560.808	352.652.902	168.644.308	1.338.877.560	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương
, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1241

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Chi tiền mặt thanh toán chi phí	642	111	168.644.308	
- Phải trả nhà cung cấp	331	111	1.338.877.560	
- Chi tiền mặt thanh toán tiền mua NVL	152	111	3.233.560.808	
- Chi tiền thanh toán thuế GTGT	133	111	352.652.902	
...	
Cộng	x	x	6.457.433.621	X

Kèm theo 30 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12. năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.20

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1238	31/12	Thanh toán tiền lương nhân viên T12/2011	334	134.213.000	
31/12	1239	31/12	Các khoản chi phí phải trả khác T12/2011	338	29.526.860	
31/12	1241	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền mặt	111	168.644.308	
31/12	1244	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền gửi NH	112	12.157.406	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí quý 4	911		397.989.104
			Cộng phát sinh		397.989.104	397.989.104

➤ **Kế toán chi phí bán hàng**

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm công ty phải chi ra các khoản chi phí cho khâu bán hàng. Chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm như chi phí bán hàng trong giao dịch, giao hàng, quảng cáo, đóng gói vận chuyển....

Chi phí bán hàng được chia thành các loại chủ yếu sau: chi phí nhân viên, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí KHTSCĐ, chi phí khác bằng tiền.

Tài khoản sử dụng: TK 641- chi phí bán hàng.

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn bán hàng, Phiếu chi, và các chứng từ có liên quan tùy vào từng loại chi phí như bảng thanh toán lương, bảng phân bổ KHTSCĐ.....

*** Quy trình hạch toán chi phí bán hàng**

- Từ các chứng từ gốc hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các CTGS, Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 641
- Cuối quý từ sổ cái các TK 641 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC cuối năm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 15/12/2011, Trả tiền thuê vận chuyển hàng đi TP.HCM cho công ty TNHH Phú Vinh , số tiền 18.103.580đ (gồmVAT 10%)

Biểu 2.22

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số :1033

Nợ 6417

Nợ 133

Có 111

Họ tên người nhận tiền: Phạm Hải Trí

Địa chỉ:

Lý do chi: Trả tiền vận chuyển hàng đi TP.HCM

Số tiền 18.103.580

Bằng chữ: Mười tám triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm tám mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ) : mười sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng chẵn.

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 1241

Tháng 12 năm 2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ				
				152	133	642	641
...
12/12	PC1024	Thanh toán tiền mua NVL(tre dóc)	88.800.000	80.727.273	8.072.727			
15/12	PC1033	Thanh toán tiền V/c hàng vào TPHCM	18.103.580		1.645.780		16.457.800	
....			
20/12	PC1055	Chi phí trả phí đi đường	350.000			350.000		
...	
		<i>Cộng</i>	6.457.433.621	3.233.560.808	352.652.902	168.644.308	38.877.560	...

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.24

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1241

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Chi TM thanh toán chi phí bán hàng	641	111	38.877.560	
- Chi TM thanh toán chi phí QLDN	642	111	168.644.308	
- Chi tiền mặt thanh toán tiền mua NVL	152	111	3.233.560.808	
- Chi tiền thanh toán thuế GTGT	133	111	352.652.902	
...	
Cộng	<i>x</i>	<i>x</i>	6.457.433.621	X

Kèm theo 30 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.25

*Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.26

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng **Số hiệu : 641**

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	N.T			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1238	31/12	Thanh toán tiền lương cho nhân viên T12/2011	334	34.213.000	
31/12	1238	31/12	Các khoản chi phí phải trả khác T12/2011	338	3.186.499	
31/12	1241	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền mặt	111	38.877.560	
31/12	1244	31/12	Chi phí thanh toán bằng tiền gửi NH	112	12.157.406	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí quý 4	911		89.829.429
			Cộng phát sinh		89.829.429	89.829.429

2.2.4. Kế toán Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Do đặc điểm kinh doanh của công ty là sản xuất bán trực tiếp thu tiền, nên Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, cổ tức, lợi nhuận được chia.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan tới các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

❖ Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

*** Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có của Ngân hàng, Phiếu chi, vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635, 515
- Cuối quý, năm từ sổ cái các TK 635, 515 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ 4:

Ngày 25/12 Ngân hàng TMCP Công thương VN(Vietine Bank) thông báo nhận lãi tiền gửi tháng 12/2011. Số tiền 1.220.321 đ.

- Căn cứ vào Sổ phụ ngày 25/12/2011 của Ngân hàng Vietine bank (Biểu số 2.27), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.28).
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.29) từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 515 (Biểu 2.31)
- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

Ví dụ 5

Ngày 28/12/2011, Công ty trả lãi Ngân hàng SHB số tiền là 18.420.412 đ

- Căn cứ vào số liệu phát sinh kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 1069 (Biểu số 2.32), và lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại liên quan (biểu 2.33)
- Cuối tháng lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.34), từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 635 (Biểu 2.35)
- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27 - Sổ phụ ngày 25/12/2011 NH Vietine Bank

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

SỔ PHỤ

Số: 0242

Ngày 25/12/2011

Sổ chi tiết tài khoản

Statement of Account For

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO

HẢI ÂU

Số dư đầu ngày 25/12/2011 : 541.263.021

Opening Balance as of

Số Tài Khoản: 701270406000465

A/C No.

Loại TK/Loại Tiền: 692 VND

Type/Ccy

So CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loai GD	Số Séc/ref	PS Nợ	PS Có	
Nội dung	Seq.No	Tran Date	Effect Date	Tran	Cheque No./Ref	Withdrawal	Deposit
Remarks							

173265125/11/2010	25/12/2010	IR	0000022586	0.00	120.321	Lãi tiền gửi Vnam thanh toán
-------------------	------------	----	------------	------	---------	------------------------------

Doanh số giao dịch :

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 25/12/2011 : 542.483.342

Ending Balance as of

0.00

120.321

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.28

Công ty Cổ Phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 112

Số chứng từ 1243

Tháng 12 năm 2011

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản có			
				131	515	141
...
11/12	UNT236	Khách hàng trả tiền bằng chuyển khoản	46.344.980	46.344.980			
....				
22/12	UNT254	Thu tạm ứng bằng chuyển khoản	11.590,000			11.590.000	
25/12	SP0242	Lãi tiền gửi NH Viettine bank			1.220.321		
...	
		Cộng	3.869.842.321	2.333.690.000	66.547.911	43.344.901	...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1243

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

DVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Khách hàng trả tiền	112	131	2.333.690.000	
- Lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	66.547.911	
- Thu tạm ứng bằng chuyên khoản	112	141	43.344.901	
...	
<i>Cộng</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	3.869.842.321	<i>X</i>

Kèm theo 15 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.31

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Danh thu hoạt động tài chính Số hiệu : 515

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
30/11	1196	30/11	Lãi tiền cho vay T11/2011	138		22.231.422
30/11	1198	30/11	Lãi TGNH T11/2011	112		53.425.569
31/12	1243	31/12	Lãi tiền GNH T12/2011	112		66.547.911
31/12	1236	31/12	Lãi tiền cho vay T12/2011	138		27.452.706

31/12	1265	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	214.358.849	
			Cộng phát sinh		214.358.849	214.358.849

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

Biểu 2.32

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu
Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 12 năm 2011
Số CT: 1069

Nợ 635
Có 111

Họ tên người nhận tiền: Ngân hàng SHB

Địa chỉ: Đà Nẵng, Hải Phòng

Lý do chi: Trả lãi ngân hàng

Số tiền: 1.420.412

Bằng chữ: Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng chẵn .

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ) : mười tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.33

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 111

Số chứng từ 1241

Tháng 12 năm 2011

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ				
				152	133	635	331
...
12/12	PC1024	Thanh toán tiền mua NVL(tre doc)	88.800.000	80.727.273	8.072.727			
13/12	PC1025	Thanh toán tiền hàng T11 cho cty	98.766.000				98.766.000	
....			
28/12	PC1069	Chi phí trả lãi tiền vay NH SHB	1.420.412			1.420.412		
...	
		<i>Cộng</i>	6.457.433.621	3.233.560.808	323.356.080	23.619.921	1.338.877.650	...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Họ và tên: **Đỗ Kim Phượng**

Lớp **QT1205K**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.34

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A, Tôn đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1241

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Mua hàng thanh toán bằng tiền mặt	152	111	3.233.560.808	
-Thuế GTGT được KT	133	111	323.356.080	
-Trả lãi tiền vay	635	111	23.619.921	
-Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	331	111	1.338.877.650	
...	
<i>Cộng</i>	<i>x</i>	<i>x</i>	6.457.433.621	<i>X</i>

Kèm theo 30 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12. năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.35

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A, Tôn đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1244	31/12	Trả lãi tiền vay bằng CK	112	15.469.869	
31/12	1241	31/12	Trả lãi tiền vay bằng TM T12/2011	111	23.619.921	

31/12	1264	31/12	K/C Cp HĐTC	911		62.358.849
			Cộng phát sinh		62.358.849	62.358.849

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A, Tôn đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1261	31/12	1.974.893.040
1237	31/12	142.256.700	1262	31/12	2.345.048.438
1238	31/12	234.213.000	1263	31/12	411.115.727
1239	31/12	138.987.690			
1240	31/12	6.965.956.700			
1241	31/12	6.457.433.621
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

94

2.2.5. Kế toán Thu nhập khác, chi phí khác

*** Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

*** Quy trình hạch toán:**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như phiếu kế toán, biên bản thanh lý TS kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh. Từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 711, 811
- Từ sổ cái các TK 711, 811 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh ta lập ra BCTC.

Ví dụ 6

Ngày 11/12/2011 cty thanh lý 1 máy điều hòa Panasonic, nguyên giá 12.235.600, đã khấu hao 7.463.716 đ. Số tiền thu được là 1.500.000 đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ(biểu 2.36) và các chứng từ liên quan kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.37).
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các CTGS có liên quan(biểu 2.38) từ CTGS vào sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 811(biểu 2.39)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số tiền thu được từ thanh lý kê toán lập phiếu thu (biểu 2.40), từ đó làm căn cứ ghi bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.41). Từ bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ có liên quan (biểu 2.42) và lập sổ cái TK 711 (biểu 2.43)
- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 711, 811 lập bảng cân đối số phát sinh và BCTC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Căn cứ vào quyết định số 88 ngày 11 tháng 12 năm 2011 của giám đốc công ty cổ phần Hapaco Hải Âu về việc thanh lý TSCĐ.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Bên thanh lý (bên A)

Ông : Trần Trọng Bình Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban
Bà : Bùi Thanh An Chức vụ : Kế toán - Ủy viên

*Bên mua (bên B)

Ông : Cao Minh Sơn Chức vụ : trưởng phòng kinh doanh - Trưởng ban
Ông : Lưu Văn Đạt Chức vụ : Kỹ sư - Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ : Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic

Nước sản xuất : Nhật Bản

Năm sản xuất: 2007

Năm đưa vào sử dụng 2008 Số thẻ TSCĐ : 054

Thời gian sử dụng 5 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là: **7.463.716 đ**

Giá trị còn lại là: 4.771.884

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ: Máy điều hòa vẫn hoạt động bình thường

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Trưởng ban

(ký, họ tên)

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt : 1.650.000

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ 054 ngày 12/08/2011 Đình chỉ sử dụng

Ngày ...tháng ... năm...

Đại diện (Bên A)

(Ký, họ tên)

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

(**Biểu 2.36**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

(Biểu 2.37)

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi có tài khoản 211

Số chứng từ 1247

Tháng 12 năm 2011

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ	
				811	214
11/12	PKT84	Thanh lý máy điều hòa	12.235.600	4.771.884	7.463.716
		Cộng	12.235.600	4.771.884	7.463.716

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.38

Đơn vị: Công ty cổ phần hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1247

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
-Khấu hao TSCĐ đã thanh lý	214	211	7.463.716	
- GTCL TSCĐ thanh lý	811	211	4.771.884	
Cộng	x	x	12.235.600	X

Kèm theo 3 chứng từ gốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.39

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu : 811

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
30/11	1185	30/11	Thanh lý TSCĐ	211	1.485.811	
31/12	1247	31/12	Thanh lý TSCĐ	211	4.771.884	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí khác quý 4	911		7.771.884
			Cộng phát sinh		7.771.884	7.771.884

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Biểu 2.27)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

(Biểu 2.40)

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

PHIẾU THU

Số: 1022

Ngày: 11/12/2011

Nợ 111

Có 711

Có 3331

Người nộp: Nguyễn Thị Xuân

Địa chỉ: Phòng Tài chính - Kế toán

Về khoản: Thu từ thanh lý máy điều hòa Panasonic

Số tiền: 1.650.000 đ

Bằng chữ: Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn VND

Kèm theo: 2 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng.

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.41

Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ tài khoản 111

Số chứng từ 1248

Tháng 12 năm 2011

.Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản Nợ			
				3331	711	131	...
...					
11/12	PT 1022	Thanh lý máy điều hòa	1.650.000	150.000	1.500.000		
11/12	PT 1023	Khách hàng trả nợ	14.322.100			14.322.100	
...	
		Cộng	4.965.956.700	65.586.546	52.502.003	3.271.962.116	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.42

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1248

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Thu nhập khác bằng tiền mặt	111	711	52.502.003	
- Thuế GTGT nộp bằng tiền mặt	111	3331	65.586.546	
- Khách hàng trả nợ công ty	111	131	3.271.962.116	
.....	
Cộng	x	x	4.965.956.700	X

Kèm theo 15 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.43

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
...	
31/12	1243	31/12	Thu nhập khác bằng tiền gửi NH	112		27.976.590
31/12	1248	31/12	Thu nhập khác bằng tiền	111		52.502.003
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu HĐTC quý 4	911	192.159.766	
			Cộng phát sinh		192.159.766	192.159.766

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.44

Đơn vị: Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

Địa chỉ: Số 441A Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Năm 2011

Chứng từ ghi số		Số tiền	Chứng từ ghi số		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1247	31/12	12.235.600
1237	31/12	142.256.700	1248	31/12	4.965.956.700
1238	31/12	234.213.000
1239	31/12	138.987.690			
1240	31/12	6.965.956.890			
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Họ và tên: Đỗ Kim Phượng

Lớp QT1205K

104

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

*** Nội dung của xác định kết quả kinh doanh**

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 821 – Có TK 3334.

*** Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CF + KQTC + KQ HD khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác (811)

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

*** Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.45

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số hiệu: 311

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		9.733.572.276	
Doanh thu hoạt động tài chính	515		214.358.849	
Thu nhập khác	711		192.159.766	
K/c doanh thu xác định KQKD	911			10.140.090.891
CỘNG TỔNG			10.140.090.891	10.140.090.891

Biểu 2.46

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số hiệu: 312

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn hàng bán	632			7.305.145.315
Chi phí tài chính	635			62.358.849
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			397.989.104
Chi phí bán hàng	641			89.829.429
Chi phí khác	811			7.771.884
Chi phí thuế TNDN	821			569.249.085
Lợi nhuận sau thuế	421			1.707.747.255
K/c chi phí xác định KQKD	911		10.140.090.891	
CỘNG TỔNG			10.140.090.891	10.140.090.891

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.47

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1264

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.305.145.315	
- K/C chi phí quản lý	911	642	397.989.104	
- K/C chi phí hoạt động tài chính	911	635	62.358.849	
- K/C chi phí khác	911	811	7.771.884	
- K/C chi phí thuế TNDN	911	821	569.249.085	
- K/C LNST	911	421	1.707.747.255	
Cộng	x	x	10.140.090.891	X

Biểu 2.48

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1265

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
- Kết chuyển doanh thu hàng bán	511	911	9.733.572.276	
- K/C doanh thu hoạt động tài chính	515	911	214.358.849	
- K/C doanh thu khác	711	911	192.159.766	
Cộng	x	x	10.140.090.891	X

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.49

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	1264	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	7.305.145.315	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí quản lý	642	397.989.104	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí hoạt động tài chính	635	62.358.849	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí khác	811	7.771.884	
31/12	1264	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	821	569.249.085	
31/12	1264	31/12	K/C LNST	421	1.707.747.255	
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu bán hàng	511		9.733.572.276
31/12	1265	31/12	K/C doanh thu HDTC	515		214.358.849
31/12	1265	31/12	K/C thu nhập khác	711		192.159.766
			Cộng phát sinh		10.140.090.891	10.140.090.891

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.50

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	1247	31/12	12.235.600
1237	31/12	142.256.700	1248	31/12	4.965.956.700
1238	31/12	234.213.000
1239	31/12	138.987.690	1264	31/12	10.140.090.891
1240	31/12	6.965.956.890	1265	31/12	10.140.090.891
1241	31/12	6.457.433.621			
1242	31/12	1.193.893.585			
1243	31/12	3.869.842.321			
...	...				
Cộng			Tổng cộng		95.288.967.491

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU**

**3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí
và xác định kết quả kinh doanh**

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.

3.1.1. Ưu điểm

*** Về bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

*** Về việc vận dụng hệ thống tài khoản**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006, bổ sung theo quy định tại thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó Công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

*** Về hệ thống chứng từ**

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

*** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

*** Về việc trích lập các khoản dự phòng**

Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng phải thu khó đòi Theo thông tư 228/2009/TT- BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Cụ thể :

❖ Dự phòng giảm giá nợ phải thu khó đòi

TK sử dụng: TK 139- Dự phòng phải thu khó đòi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Sử dụng TK 159

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng giảm giá hàng hóa} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để

hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại Công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nếu nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

*** Về hệ thống sổ sách kế toán :**

Chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, và hoạt động bán hàng kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642, 641 mà không mở chi tiết TK cấp 2 của TK 642, 641. Do đó gây khó khăn trong việc xác định nguyên nhân dẫn đến tăng chi phí ở bộ phận nào để tìm cách khắc phục. Đồng thời doanh nghiệp cũng khó xác định được loại chi phí nào thiết thực nhất cho công ty, loại chi phí nào cần giảm thiểu.

*** Về hệ thống kho tàng**

Với quy mô kinh doanh ngày càng được mở rộng, chủng loại hàng hóa ngày càng đa dạng nhưng công ty chưa có hệ thống kho chứa phù hợp. Hiện nay nhà kho của Công ty đang xuống dốc do điều kiện tự nhiên ảnh hưởng, kho bãi là nhà cấp bốn đang xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu bảo quản hàng hóa cho

công ty. Các loại hàng hóa vẫn bị xếp chồng chéo không phân loại cụ thể do chưa có đủ diện tích kho bãi phù hợp.

***Về sử dụng tài khoản**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một tổng công ty. Doanh thu nội bộ theo quy định phải phản ánh vào tài khoản 512 nhưng trên thực tế công ty không sử dụng tài khoản này mà đều được phản ánh chung vào TK 511. Điều này cho thấy việc hạch toán chưa được chính xác và sát xao.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Hapaco Hải Âu

*** Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

*** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần Hapaco Hải Âu.**

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khoá học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Mặt khác công ty có thể tuyển dụng thêm những kế toán có trình độ chuyên môn từ cấp đại học trở lên để đảm bảo công tác kế toán được hiệu quả hơn.

Nếu công ty làm tốt được việc đào tạo chuyên môn cho các nhân viên kế toán đây chính là tiền đề cơ bản cho việc hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty đồng thời từ đó tạo cơ sở cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp được ổn định với đội ngũ nhân viên lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, làm cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng được nâng cao.

- Công tác ghi chép sổ sách :

+) Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, cứ đến cuối tháng thì kế toán mới tiến hành ghi chép số liệu từ Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào CTGS tương ứng và Sổ cái các tài khoản. Đối với một doanh nghiệp lớn và sản xuất sản phẩm tiêu dùng (giấy ...) như Hapaco trong một tháng sẽ có nhiều nghiệp vụ mua bán với số phát sinh lớn, nếu cứ để công việc hạch toán tập trung vào cuối tháng thì sẽ gây ra nhiều khó khăn và không tránh khỏi nhầm lẫn. Chính vì thế, theo ý kiến của em thì công ty nên tiến hành định kỳ 5 hoặc 7 ngày sẽ vào CTGS một lần để giảm tải khối lượng công việc về cuối tháng, tránh bị nhầm lẫn.

+) Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công việc hàng ngày để mọi sổ sách kế toán đều lưu trữ trên máy vi tính, và các kế toán phụ trách từng mảng kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời thao tác kế toán được nhanh chóng và chính xác hơn.

Thứ hai : Về hệ thống sổ sách kế toán:

Với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều .Do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC - Biểu số 3.1) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

động quản lý, bán hàng kê toán chỉ theo dõi chung trên TK 642, TK 641 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 642 và TK 641, cụ thể như sau:

- Chi phí bán hàng - TK 641 sẽ chia thành các tiểu khoản :
 - TK6411: Chi phí nhân viên bộ phận bán hàng
 - TK6412: Chi phí vật liệu bao bì
 - TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK6415: Chi phí bảo hành
 - TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK6418: các chi phí khác bằng tiền
- Chi phí quản lý doanh nghiệp- TK 642 sẽ chia thành các tiểu khoản:
 - TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK6425: Thuế, phí, lệ phí
 - TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK6428: Chi phí khác bằng tiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tên tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Ghi Nợ Tk				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			- Cộng số PS trong kỳ						
			- Ghi có TK						
			- Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Họ và tên: **Đỗ Kim Phượng**

Lớp **QT1205K**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Theo ví dụ ngày 15/12/2011, trả tiền vận chuyển hàng đi Tp.HCM, công ty nên lập thêm số Chi phí sản xuất kinh doanh như sau:

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên tài khoản: 641- Chi phí bán hàng

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Ghi Nợ Tk 641						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						6411	6414	6417	6418
		
06/12	BKH12	06/12	KH TSCĐ T12	214	10.975.495			10.975.495			
15/12	PC1750	15/12	trả tiền vận chuyển hàng đi TPHCM	111	16.457.800					16.457.800	
.....
.....								
29/12	BTTL12	29/12	Phải trả CNV bán hàng T12/2011	3347	24.213.020	24.213.020					
29/12	BTTL12	29/12	Phải trả, nộp khác T122	338	3.186.499	3.186.499					
										
			Số dư cuối kỳ		123.829.429	27.399.519	..	30.458.958	.	50.458.539	.

Họ và tên: **Đỗ Kim Phượng**

Lớp **QT1205K**

Thứ ba: Về tài khoản sử dụng

Công ty cổ phần Hapaco Hải âu là công ty thành viên của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy là chính nên thường xuyên xuất hiện các nghiệp vụ bán hàng nội bộ giữa các công ty thành viên. Do mối quan hệ đặc thù trong nội bộ công ty mà còn nhiều trường hợp các chứng từ ban đầu phản ánh các nghiệp vụ phát sinh chưa làm đúng thủ tục và chưa sử dụng đúng tài khoản, nhiều trường hợp không phản ánh vào tài khoản “Doanh thu nội bộ” – TK 512. Vì vậy phòng kế toán tài chính nên có những biện pháp quản lý và kiểm tra chặt chẽ ghi chép những chứng từ ban đầu theo đúng quy định và đầy đủ nội dung để tạo điều kiện thuận lợi cho các bước hạch toán tiếp theo.

Thứ tư: Về vấn đề hệ thống kho tàng.

Hiện nay công ty đang có 2 nhà kho: 1 kho chứa vật tư và 1 kho chứa sản phẩm. Xét thấy nhu cầu về hàng hóa ngày càng nhiều và các mặt hàng ngày càng biến động, mặt khác các nhà kho của công ty đang trong tình trạng xuống cấp do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, do đó công ty lên đầu tư sửa chữa nâng cấp và xây dựng thêm 1 nhà kho chứa hàng để bảo đảm cho việc phân loại lưu trữ hàng.

Với vị trí hiện tại của công ty như hiện nay thì việc xây dựng thêm 1 nhà kho chứa hàng hóa nữa là hoàn toàn phù hợp bởi diện tích mặt bằng trống của công ty còn tương đối rộng. Việc thi công xây dựng và nâng cấp nhà kho có thể bắt đầu ngay bởi hiện tại đang là thời điểm vào mùa khô.

Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới hệ thống kho bãi sẽ giúp cho doanh nghiệp phân loại được các mặt hàng nhằm bảo quản được tốt hơn, tránh tình trạng ứ đọng hàng trong kho do sự chồng chéo hàng hóa. Ngoài ra việc xây dựng và nâng cấp kho chứa còn bảo đảm cho hàng hóa không bị hư hại, ẩm mốc khi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt xảy ra. Bên cạnh đó việc xây dựng thêm kho bãi sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc mở rộng kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ.

Thứ năm: Về chính sách thu hồi nợ

Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản “ Nợ phải thu khách hàng” của công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 vẫn còn hơn hai tỷ đồng. Điều này làm ảnh hưởng tới tình hình quay vòng vốn của công ty. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty..

Mặc dù doanh nghiệp đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, nhưng để hạn chế tối đa các khoản nợ khó đòi này doanh nghiệp cũng nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách: **Chiết khấu thanh toán** (là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định)

Chính sách chiết khấu thanh toán của công ty có thể xây dựng dựa trên:

- Lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Hay theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

Thực hiện tốt giải pháp về thu hồi nợ giúp cho doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay của vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ sáu: Về chính sách ưu đãi

Công ty nên sử dụng **chiết khấu thương mại** cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn . Điều này tuy làm giảm doanh thu nhưng lại giúp công ty thu huta

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thêm một lượng lớn khách hàng ,đây mạnh được hoạt động tiêu thụ sản phẩm. Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong các trường hợp sau:

- + Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ CKTM) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.
- + Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.
- + Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền CKTM cho người mua, khoản CKTM này được hạch toán vào TK 521.

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 – Thanh toán ngay

Có TK131 – Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số CKTM được công ty chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại.

Trong kinh doanh với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết cuối cùng - chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng .

Quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Đặc biệt cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp .Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót . Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Ths. Vũ Hùng Quyết và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Hải phòng , ngày ... tháng ...năm 2012

Sinh viên

Đỗ Kim Phụng